

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 64-HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 1989

NGHỊ ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 64/HĐBT NGÀY 10-6-1989
BAN HÀNH BẢN QUI ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ VÀ TỔ CHỨC QUẢN
LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU
HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;
Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng trong phiên họp ngày 15 tháng 3 năm 1989;
Để thực hiện một bước đổi mới chế độ và tổ chức quản lý kinh doanh xuất nhập khẩu;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kinh tế đối ngoại,*

NGHỊ ĐỊNH:

- Điều 1.** - Nay ban hành kèm theo Nghị định này bản Qui định về chế độ và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.
- Điều 2.** - Bãi bỏ những điều khoản trong các văn bản của Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành trước đây đối với lĩnh vực sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu và hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu trái với các điều khoản trong bản Qui định này.
- Điều 3.** - Bản Qui định này được thi hành kể từ ngày ký. Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

QUI ĐỊNH

VỀ CHẾ ĐỘ VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

(ban hành kèm theo Nghị định số 64-HĐBT ngày 10-6-1989

của Hội đồng Bộ trưởng)

Để thúc đẩy hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu phát triển có hiệu quả; Hội đồng Bộ trưởng qui định chế độ và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu như sau:

I. NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu phải nhằm phục vụ nền kinh tế trong nước phát triển trên cơ sở khai thác và sử dụng có hiệu quả các tiềm năng và thế mạnh sẵn có về lao động, đất đai và các tài nguyên khác của nền kinh tế nước ta, giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân lao động, đổi mới trang thiết bị kỹ thuật và qui trình công nghệ sản xuất, thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa đất nước, đáp ứng các yêu cầu cơ bản và cấp bách về sản xuất và đời sống; đồng thời góp phần hướng dẫn sản xuất, tiêu dùng và điều hoà cung cầu để ổn định thị trường trong nước.

Điều 2. - Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu phải dựa trên sự phát triển của nền sản xuất trong nước kết hợp với việc mở rộng hợp tác sản xuất và trao đổi hàng hoá với nước ngoài, tham gia vào sự phân công lao động quốc tế theo đúng đường lối đối ngoại của Nhà nước ta, trên nguyên tắc bình đẳng, các bên cùng có lợi và không xâm phạm chủ quyền của nhau để không ngừng nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, đối ngoại của nước ta.

Điều 3. - Nhà nước quản lý thống nhất mọi hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu bằng pháp luật và các chế độ, chính sách có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu hoạt động đúng hướng, đạt hiệu quả cao.

Điều 4. - Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu được tiến hành theo nguyên tắc hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh của tất cả các tổ chức kinh tế tham gia kinh doanh xuất nhập khẩu như tự chủ về tài chính, tự hoàn vốn bằng tiền Việt Nam và bằng ngoại tệ, tự chịu trách nhiệm về kết quả và hiệu quả kinh doanh, hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước.

Điều 5. - Phạm vi của bản Qui định này bao gồm các lĩnh vực và các đối tượng kinh doanh xuất nhập khẩu sau đây:

1. Về lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu.

- a) Xuất nhập khẩu hàng hoá dưới các hình thức trao đổi hàng hoá, hợp tác sản xuất và gia công quốc tế.
- b) Xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, vật tư, phụ tùng cho sản xuất.
- c) Tái xuất, tái nhập, chuyển khẩu.
- d) Các dịch vụ như làm đại lý, uỷ thác xuất, nhập khẩu cho các tổ chức kinh tế nước ngoài.
- e) Hoạt động kinh doanh của các tổ chức kinh tế Việt Nam ở nước ngoài.

Việc xuất nhập khẩu hàng hoá tiểu ngạch giữa các tỉnh biên giới nước ta với các nước láng giềng có qui định riêng.

2. Về đối tượng kinh doanh xuất nhập khẩu.

Đối tượng kinh doanh xuất nhập khẩu nói trong Qui định này bao gồm các cơ sở sản xuất, chế biến, gia công hàng xuất khẩu, các tổ chức dịch vụ xuất nhập khẩu và các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu chuyên nghiệp thuộc các cấp quản lý.

II. CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

Điều 6. - Nhà nước khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế đẩy mạnh sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu bằng các chính sách đã được qui định tại Quyết định số 217-HĐBT ngày 14-11-1987. Nghị định số 50-HĐBT ngày 22-3-1988; Nghị định số 27-HĐBT ngày 9-3-1988; Nghị định số 28-HĐBT ngày 9-3-1988 của Hội đồng Bộ trưởng cụ thể là:

1. Nhà nước khuyến khích các xí nghiệp sản xuất công nghiệp quốc doanh phát triển sản xuất chế biến hàng xuất khẩu. Các xí nghiệp có sản phẩm xuất khẩu hoặc không có sản phẩm xuất khẩu nhưng được nhập khẩu đều được bảo đảm quyền lợi và phải thực hiện các nghĩa vụ theo chính sách và cơ chế xuất, nhập khẩu của Nhà nước.

Các xí nghiệp sản xuất chế biến hàng xuất khẩu theo chỉ tiêu kế hoạch hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước được Nhà nước chỉ định các tổ chức kinh doanh vật tư và tổ chức xuất nhập khẩu bán vật tư theo định mức kinh tế kỹ thuật và mua sản phẩm theo hợp đồng kinh tế, được hưởng chế độ khuyến khích đối với hàng xuất khẩu.

2. Các công ty công tư hợp doanh hoặc hợp tác xã sản xuất chế biến hàng xuất khẩu được tuỳ ý chọn tổ chức xuất, nhập khẩu của Nhà nước để uỷ thác xuất sản phẩm, nhập vật tư theo các điều kiện thoả thuận trong hợp đồng kinh tế. Trong trường hợp này có quyền tham gia đàm phán với khách hàng trong và ngoài nước; được bán sản phẩm, mua vật tư hàng hoá theo hợp đồng kinh tế với tổ chức xuất, nhập khẩu của Nhà nước; được tự nguyện ra nhập các tổ chức liên doanh, liên kết sản xuất hàng xuất khẩu theo đúng hợp đồng kinh tế hoặc qui chế của các tổ chức liên doanh, liên kết; được liên doanh với Việt kiều hoặc người nước ngoài để sản xuất hoặc gia công hàng xuất khẩu theo Luật Đầu tư.

3. Các cơ sở sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu thuộc kinh tế cá thể, tư doanh được tuỳ ý chọn tổ chức xuất, nhập khẩu của Nhà nước để uỷ thác xuất sản phẩm, nhập vật tư theo các điều kiện thoả thuận trong hợp đồng kinh tế, và trong trường hợp này, có quyền tham gia đàm phán với khách hàng trong và ngoài nước, bán sản phẩm, mua vật tư hàng hoá theo hợp đồng kinh tế với tổ chức xuất, nhập khẩu của Nhà nước; gia công hàng xuất khẩu với tổ chức xuất nhập khẩu của Nhà nước; được tự nguyện ra nhập các tổ chức liên doanh, liên kết sản xuất hàng xuất khẩu; được chung vốn với các tổ chức kinh tế Nhà nước thành bên Việt Nam để liên doanh với Việt kiều hoặc người nước ngoài để sản xuất hàng xuất khẩu theo Luật Đầu tư.

Quyền trực tiếp xuất, nhập khẩu của các đơn vị sản xuất thuộc các thành phần kinh tế nói trên được qui định tại điều 19 và điều 20 của bản qui định này.

Điều 7.- Nhà nước quy định và công bố các chính sách cụ thể trong kinh doanh xuất, nhập khẩu đối với từng thị trường, từng khu vực. Bộ Kinh tế đối ngoại hướng dẫn các cơ sở kinh doanh xuất, nhập khẩu thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách về thị trường.

Điều 8.- Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm phải được xây dựng phù hợp với qui hoạch và kế hoạch phát triển nền kinh tế quốc dân, căn cứ vào yêu cầu của thị trường thế giới và khả năng của ta.

Hàng năm, Nhà nước công bố danh mục các mặt hàng cấm xuất và cấm nhập. Bộ Kinh tế đối ngoại hướng dẫn các cơ sở kinh doanh xuất, nhập khẩu thực hiện đúng các chính sách về mặt hàng.

Điều 9.- Các chỉ tiêu giao nhận hàng xuất, nhập khẩu để thực hiện Nghị định thư, hợp đồng kinh tế đã ký ở cấp Chính phủ hoặc giữa các tổ chức kinh tế của hai nước được Chính phủ bảo

trợ là những chỉ tiêu pháp lệnh.

Hàng năm hoặc 6 tháng một lần, Bộ Kinh tế đối ngoại công bố danh mục các mặt hàng cần quản lý theo hạn ngạch; quy định hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu đối với mặt hàng đó theo nguyên tắc đẩy mạnh và bảo vệ sản xuất trong nước, nâng cao hiệu quả kinh tế trong quan hệ xuất, nhập khẩu đối với từng mặt hàng quan trọng; duyệt cấp hạn ngạch xuất khẩu và nhập khẩu các loại hàng hoá đó cho các cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu trong phạm vi tổng hạn ngạch của từng mặt hàng. Các cơ sở kinh doanh xuất, nhập khẩu muốn xuất khẩu, nhập khẩu vượt hạn ngạch được duyệt, phải được Bộ Kinh tế đối ngoại cấp giấy phép.

Đối với các mặt hàng hoá không quản lý theo hạn ngạch, các đơn vị kinh doanh xuất, nhập khẩu được thực hiện theo kế hoạch đăng ký tại Bộ Kinh tế đối ngoại, không hạn chế số lượng hoặc trị giá.

Điều 10.- Đối với thiết bị toàn bộ và thiết bị lẻ chuyên dùng cho cơ sở sản xuất nào thì cơ sở đó được quyền tự đứng ra (hoặc có thể uỷ thác cho các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu) đàm phán, ký kết hợp đồng nhập khẩu.

Điều 11.

a) Từ nay, các tổ chức kinh tế của các ngành, các địa phương giao hàng xuất khẩu cho Trung ương để thực hiện các Nghị định thư đã ký kết với nước ngoài sẽ được thanh toán lại bằng tiền Việt Nam theo nguyên tắc bù đắp đủ chi phí hợp lý và có lãi thoả đáng đối với từng loại sản phẩm xuất khẩu.

Các tổ chức kinh tế sẽ dùng tiền Việt Nam để mua lại những vật tư hàng hoá thiết bị cần thiết cho nhu cầu sản xuất hàng xuất khẩu và kinh doanh xuất nhập, khẩu.

Hàng năm, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính có trách nhiệm cân đối đủ tiền Việt Nam để thanh toán hàng xuất khẩu trong Nghị định thư và vật tư hàng hoá cần thiết để bán cho các đơn vị sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu theo Nghị định thư. Giá mua hàng xuất khẩu theo Nghị định thư phải thật sự là giá thoả thuận giữa các công ty kinh doanh xuất, nhập khẩu với các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu; việc thanh toán phải bảo đảm sòng phẳng, kịp thời. Nếu việc thanh toán quá thời hạn quy định thì các cơ sở sản xuất và các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu sẽ được trả một khoản tiền lãi theo tỷ lệ lãi xuất vay Ngân hàng trên toàn bộ số vốn và thời hạn chậm thanh toán.